

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TỔNG HỢP HÀ NỘI (SHN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

—o0o—

Số: 11/2024/CBTT-SHN
(V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế tại BCTC hợp nhất năm
2023 đã kiểm toán so với năm trước
và giải trình về BCTC có điều chỉnh
hồi tố)

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Vũ Thắng
- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, tòa nhà Peakview, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2023 tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán so với năm 2022 như sau:

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán đạt 3,53 tỷ đồng, chênh lệch tăng quá 10% so với lợi nhuận sau thuế năm 2022 chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tại BCTC riêng năm 2023 tăng so với năm trước đã được nêu trong văn bản “Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán so với năm trước và giải trình về BCTC có điều chỉnh hồi tố”.

Giải trình BCTC có điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện phân loại lại một số chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất số đầu năm, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất số năm trước để có thể so sánh với số liệu năm 2023 do ảnh hưởng của bút toán phân loại điều chỉnh hồi tố trên BCTC riêng. Cụ thể đã được nêu trong văn bản “Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế tại BCTC riêng năm 2023 đã kiểm toán so với năm trước và giải trình về BCTC có điều chỉnh hồi tố”.



Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế tại BCTC hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán tăng quá 10% so với năm trước và giải trình về các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất số đầu năm, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất số năm trước có điều chỉnh hồi tố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
TỔNG HỢP HÀ NỘI

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5 - 6

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

7

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN HỢP NHẤT

8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Hoàng Trọng Diễm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Vũ Phúc Thọ	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Lê Việt Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Lê Hữu Tú	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Nguyễn Ngọc Triều Dương	Thành viên Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm ngày 21/08/2023)
Ông Nguyễn Đại Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)
Ông Vũ Quang Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Quang Minh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22/11/2023)
Ông Vũ Thắng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/11/2023)
Ông Vũ Phúc Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoài Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Hải	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/04/2023)
Ông Nguyễn Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/07/2023)

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Hoàng Lệ Thu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày 22/11/2023 là Ông Vũ Quang Minh, từ ngày 22/11/2023 đến ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Thắng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Thắng

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 032806/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại ngày 30 tháng 03 năm 2023.



Nguyễn Hoàng Giang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Hoàng Văn Phúc.

Hoàng Văn Phúc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.224.526.182.624	4.216.654.982.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		121.572.824.896	62.285.733.725
1. Tiền	111	V.1	113.743.654.622	51.190.127.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.829.170.274	11.095.606.607
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.068.660.950.764	3.460.090.700.784
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	2.631.894.716.468	2.468.280.720.120
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		478.841.136.123	7.072.199.231
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	904.191.182.801	783.534.369.863
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	331.431.973.690	478.265.999.189
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7a	(277.698.058.318)	(277.062.587.619)
III. Hàng tồn kho	140	V.8	16.638.978.165	647.419.180.419
1. Hàng tồn kho	141		16.638.978.165	648.635.360.521
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.216.180.102)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.653.428.799	46.859.367.825
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.353.387.765	997.006.888
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		300.041.034	45.862.360.937
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.484.051.614.407	1.493.136.896.606
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		541.373.075.000	541.663.550.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	63.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	548.951.909.000	549.179.384.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7b	(7.578.834.000)	(7.578.834.000)
II. Tài sản cố định	220		15.885.366.250	13.938.941.256
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	5.897.827.150	3.951.402.156
- Nguyên giá	222		25.055.905.700	21.906.254.613
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.158.078.550)	(17.954.852.457)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	9.987.539.100	9.987.539.100
- Nguyên giá	228		9.987.539.100	9.987.539.100
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		180.028.629.793	179.120.096.930
1. Chi phí SX kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	180.028.629.793	179.007.162.200
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	112.934.730
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		741.917.463.973	741.670.663.447
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	740.769.963.973	740.772.913.447
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	14.672.500.000	14.672.500.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.525.000.000)	(13.774.750.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.847.079.391	16.743.644.973
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.414.186.202	12.395.450.640
2. Lợi thế thương mại	269		3.432.893.189	4.348.194.333
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.708.577.797.031	5.709.791.879.359

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.121.905.059.461	4.125.884.760.819
I. Nợ ngắn hạn	310		4.121.905.059.461	4.125.784.760.819
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.015.807.678.375	1.194.578.271.146
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		273.198.392	75.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.055.776.974	12.601.190.076
4. Phải trả người lao động	314		1.826.988.118	3.404.713.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		26.616.842.755	9.042.478.637
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	341.009.833.995	80.978.293.599
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	2.727.230.360.631	2.819.060.489.201
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.084.380.221	6.044.324.500
II. Nợ dài hạn	330		-	100.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	-	100.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.586.672.737.570	1.583.907.118.540
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.586.672.737.570	1.583.907.118.540
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.296.071.470.000	1.296.071.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.350.914.364	16.350.914.364
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.139.824.104	6.139.824.104
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		258.707.297.571	255.872.080.748
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		255.398.780.185	253.331.082.462
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.308.517.386	2.540.998.286
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.403.231.531	9.472.829.324
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.708.577.797.031	5.709.791.879.359

Nguyễn Khoa Diệu Bình

Nguyễn Khoa Diệu Bình
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Đặng Thái Thế

Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng



Vũ Thắng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.724.422.556.276	5.853.603.335.974
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	5.724.422.556.276	5.853.603.335.974
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.624.627.746.189	5.758.770.113.124
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		99.794.810.087	94.833.222.850
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	306.593.696.880	141.431.257.851
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	342.731.046.552	167.956.181.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		268.129.135.347	127.323.134.097
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2.949.474)	(4.930.572)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35.899.280.189	34.966.393.083
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.459.017.835	23.189.915.671
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.296.212.917	10.147.059.467
12. Thu nhập khác	31		17.138.790	5.367.056.049
13. Chi phí khác	32		358.719.702	753.759.398
14. Lợi nhuận khác	40		(341.580.912)	4.613.296.651
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.954.632.005	14.760.356.118
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.415.723.317	11.919.368.737
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.538.908.688	2.840.987.381
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ			3.308.517.386	2.540.998.286
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			230.391.302	299.989.095
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	25,53	15,95


Nguyễn Khoa Diệu Bình
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2024


Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng


Vũ Thắng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.954.632.005	14.760.356.118
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.208.894.323	2.272.389.324
Các khoản dự phòng	03	(830.459.403)	1.895.371.302
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(13.829.820)	398.810.216
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(112.362.673.055)	(62.466.711.901)
Chi phí lãi vay	06	269.045.802.014	129.239.800.764
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	163.002.366.064	86.100.015.823
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(405.979.051.260)	(2.268.430.217.999)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	631.996.382.356	(506.399.937.363)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	79.255.418.458	719.470.091.696
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.375.116.439)	1.503.950.273
Tiền lãi vay đã trả	14	(250.016.526.046)	(127.952.167.547)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.070.979.680)	(21.341.073.070)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	97.589.095	257.668.614
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(530.822.937)	(791.433.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	201.379.259.611	(2.117.583.103.012)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.148.551.036)	(3.795.856.580)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	17.138.386	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(649.323.000.000)	(644.449.369.863)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	528.666.187.062	840.760.272.308
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(509.984.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	2.949.474	781.171.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	75.628.473.091	20.253.310.711
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.156.803.023)	483.955.356.576
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.968.466.921.226	6.032.096.590.096
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.061.213.716.463)	(4.710.686.029.815)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(202.400.000)	(404.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(92.949.195.237)	1.321.005.760.281
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	59.273.261.351	(312.621.986.155)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62.285.733.725	374.986.551.470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.829.820	(78.831.590)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	121.572.824.896	62.285.733.725


Nguyễn Khoa Diệu Bình
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2024


Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng




Vũ Thắng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102287094 ngày 30/03/2007 và thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 32 ngày 23/11/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 7 tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.296.071.470.000 đồng (Một nghìn hai trăm chín mươi sáu tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, than cám; Bán buôn nhiên liệu rắn: Bán buôn than và các sản phẩm về than; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Hoạt động tư vấn mua, bán doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Tư vấn, môi giới đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư; Dịch vụ định giá bất động sản và quảng cáo bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản; Xây dựng các loại;
- Bán buôn đồ uống, gạo, nông lâm sản...;
- Bán buôn kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng miếng);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động ở nước ngoài;
- Và các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là kinh doanh than đá.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

Công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hàng hóa Việt Nam	Hà Nội	100,00%	Bán buôn chuyên doanh khác
2	Công ty Cổ phần Quản lý Đường sông 6	Hà Nội	69,19%	Hỗ trợ dịch vụ vận tải đường thủy

Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Hà Nội	41,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Hòa Bình	30,00%	Kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	Hải Phòng	37,81%	Kinh doanh bất động sản, kinh doanh hóa mỹ phẩm

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
1	Chi nhánh Đào tạo và XKLD Hanic Hà Nội – Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	Hà nội	Xuất khẩu lao động
2	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Sàn Giao dịch Bất động sản Hanic	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản
3	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội – Trung tâm Xuất khẩu lao động Hanic 2	Bắc Ninh	Xuất khẩu lao động

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 59 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 18

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	251.632.272	2.070.443.659
Tiền gửi ngân hàng	113.492.022.350	49.119.683.459
Cộng	113.743.654.622	51.190.127.118

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Thăng Long	2.030.868.833.320	1.753.831.688.763
Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi- CN Hải Dương	473.644.525.853	592.091.752.906
Các khách hàng khác	127.381.357.295	122.357.278.451
Cộng	2.631.894.716.468	2.468.280.720.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Anh Quân (a)	235.700.000.000	235.700.000.000
Ông Trần Tiến Thành	325.000.000	325.000.000
Công ty Cổ phần TBIC (b)	24.100.000.000	235.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long Dream (c)	74.968.000.000	74.008.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương (d)	99.401.369.863	99.401.369.863
Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP (e)	469.696.812.938	139.000.000.000
Ông Phan Quốc Hùng	-	100.000.000
Cộng	904.191.182.801	783.534.369.863

- (a) Khoản vay theo hợp đồng vay vốn số 111-11/HĐVV/SHN-BETA ngày 27/01/2011, phụ lục 01 ngày 03/04/2011 (Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/NQ-ĐHĐCĐ/2012 ngày 31/05/2012 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT/2011 ngày 21/01/2011) số tiền đã cho vay là 200 tỷ đồng; và khoản vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 22/2011/HĐHT/BETA-HANIC, nội dung của hợp đồng là hợp tác đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án thứ phát tại Khu đô thị mới Thanh Hà A-Cienco5, số tiền cho vay là 38 tỷ đồng.

Theo công văn số 26/2011/CV-TĐM ngày 14/06/2011 của Công ty Cổ phần BETA BQP, số nợ gốc và lãi liên quan đến hợp đồng này được chuyển sang cá nhân ông Nguyễn Anh Quân - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BETA BQP. Khoản vay sẽ được đảm bảo bởi Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc do ông Nguyễn Thanh Tùng đứng tên với số cổ phần là 13.770.000 cổ phần, tương đương giá trị 335 tỷ đồng, chiếm 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc và giá trị chuyển nhượng sẽ được bù trừ với số nợ còn phải thu của Ông Nguyễn Anh Quân.

Đến ngày 30/06/2019 việc thực hiện chuyển nhượng sang tên cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Âu Lạc vẫn chưa hoàn tất. Hiện nay, Ông Nguyễn Anh Quân đã bỏ trốn và đã có lệnh truy nã. Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đã có công văn đề nghị Công ty Cổ phần Beta BQP và Nguyễn Anh Quân hoàn trả số tiền cam kết tại Công văn số 26/2011/CV-ĐTM ngày 14/06/2011. Công ty đã trích dự phòng nợ phải thu khó đòi toàn bộ số tiền cho vay này (Xem thêm tại thuyết minh số V.8).

- (b) Cho Công ty Cổ phần TBIC vay theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01.2022/HĐVV/SHN - TBIC ngày 20/01/2022 và các phụ lục; lãi suất 10,6 %/năm, thời hạn vay đến ngày 19/01/2024.
- (c) Cho Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream vay theo các hợp đồng:
- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 04012021/HĐVV ngày 04/01/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 50.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 04/01/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 31122021/HĐVV ngày 31/12/2021 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 25.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày 31/12/2021. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 19122022/HĐVV ngày 19/12/2022 và các phụ lục với tổng số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 12012023/HĐVV ngày 12/01/2023 với tổng số tiền vay là 500.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

- Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 08022023/HĐVV ngày 08/02/2023 với tổng số tiền vay là 460.000.000 đồng; lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, từ ngày nhận khoản tiền vay. Vào ngày đáo hạn, nếu không có thỏa thuận nào khác, hợp đồng được tái tục theo lãi suất và kỳ hạn như trên.
- (d) Cho bà Nguyễn Thị Thu Hường vay theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 05.2022/HĐVV/Ms HUONG - SHN ngày 20/04/2022 và các phụ lục, tổng số tiền vay là 150.000.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay đến ngày 03/05/2024. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (e) Cho Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP vay theo các hợp đồng:
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01.2023/HĐVV/SHN-GELE ngày 23/03/2023 và phụ lục với tổng số tiền vay là 462.000.000.000 đồng; lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
 - Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 07.2022/HĐVV/SHN-GELE ngày 28/09/2022, hạn mức vay là 130.000.000.000 đồng, thời hạn khoản vay là 12 tháng và gia hạn theo các phụ lục kèm theo. Lãi suất cho vay là 11%/1 năm theo dư nợ thực tế.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng người lao động	391.230.075	573.725.897
Ký cược, ký quỹ		
- Công ty cổ phần Sapa Vân Tảo	-	300.000.000.000
- Các khách hàng khác	1.110.543.936	1.314.375.000
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay, lãi trả chậm		
- Công ty CP Nhiệt Điện Thăng Long (a)	194.191.312.789	78.959.615.378
- Công ty Cổ phần TBIC	49.478.828.495	23.342.449.316
- Nguyễn Thị Thu Hường	18.111.368.026	7.177.217.340
- Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	15.432.470.796	21.945.278.692
- Công ty CP Khách sạn Hạ Long Dream	13.732.011.812	7.567.441.481
- Lãi dự thu ngân hàng	45.399.415	50.630.137
Phải thu khác		
- Ông Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	12.831.501.573
- Ông Lê Song Hào	13.965.491.231	13.965.491.231
- Công ty Cổ phần An Sinh	6.251.147.700	6.251.147.700
- Các khách hàng khác	5.890.667.842	4.287.125.444
Cộng	331.431.973.690	478.265.999.189
b. Dài hạn		
- Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.000.000	1.000.000.000
- Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP: Dự án KĐT mới Hòa Bình (b)	92.000.000.000	92.000.000.000
- Ký quỹ hợp đồng thuê văn phòng	294.975.000	522.450.000
- Tập đoàn Geleximco- Công ty CP: Dự án khách sạn tại KĐT Thành phố giao lưu (c)	446.800.000.000	446.800.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang (d)	6.537.000.000	6.537.000.000
- Các khách hàng khác	2.319.934.000	2.319.934.000
Cộng	548.951.909.000	549.179.384.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC (TIẾP THEO)

- (a) Phải thu tiền lãi chậm thanh toán theo hợp đồng số 02/2023/TLP-SHN ngày 09/02/2023 giữa Công ty Cổ phần Nhiệt điện Thăng Long (TLPP và Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và các phụ lục thay đổi. Tổng khối lượng mua bán than là 2.200.000 tấn/năm ($\pm 10\%$). Thời hạn thanh toán là 12 ngày làm việc kể từ ngày hai bên xác nhận khối lượng, giá trị than đã giao nhận. Trường hợp bên mua thanh toán chậm thì phải chịu tiền lãi tính trên số tiền chậm thanh toán như sau:
- Đối với khoản tiền trong giá trị tài sản đảm bảo của TLP do VPBank quy định: lãi suất trả chậm tính bằng Lãi suất huy động bình quân của SHN +1%.
 - Đối với khoản tiền ngoài giá trị tài sản đảm bảo của TLP do VPBank quy định: Lãi suất trả chậm được tính bằng 15%/năm đối với khoản tiền ngoài giá trị tài sản đảm bảo của TLP cho SHN do VPBANK quy định.
- (b) Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận liên danh ngày 25/10/2017 và các phụ lục đính kèm ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội và Tập đoàn GELEXIMCO - Công ty CP về việc liên danh để tham gia đấu thầu làm Chủ đầu tư dự án Khu đô thị mới Hòa Bình - Geleximco, phường Thịnh Lang và phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình.
- (c) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác số 01/2021/HTKD/GELE - SHN ngày 30 tháng 03 năm 2021, hai bên hợp tác góp vốn để đầu tư, xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án Khách sạn tại khu đất KS, nằm trong Khu Đô thị Thành phố Giao lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm - phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội do Tập đoàn Geleximco - CTCP làm chủ đầu tư. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ được thống nhất sau khi dự án hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng chuyển sang giai đoạn vận hành khai thác.
- (d) Khoản tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Kim Giang liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Diềm Thụy theo giấy chứng nhận đầu tư số 172031000015 ngày 31/07/2009, sửa đổi lần 1 ngày 18/11/2010.

5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	1.133.474.862	697.849.376	20.074.930.375	21.906.254.613
Mua trong năm	-	-	3.240.018.173	3.240.018.173
Thanh lý, nhượng bán	-	(90.367.086)	-	(90.367.086)
Số dư cuối năm	1.133.474.862	607.482.290	23.314.948.548	25.055.905.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.133.474.862	504.509.411	16.316.868.184	17.954.852.457
Khấu hao trong năm	-	193.339.965	1.100.253.214	1.293.593.179
Thanh lý, nhượng bán	-	(90.367.086)	-	(90.367.086)
Số dư cuối năm	1.133.474.862	607.482.290	17.417.121.398	19.158.078.550
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	193.339.965	3.758.062.191	3.951.402.156
Tại ngày cuối năm	-	-	5.897.827.150	5.897.827.150

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 14.514.842.574 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 11.587.298.513 đồng).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2023 chờ thanh lý là 386.679.909 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất với nguyên giá là 9.987.539.100 đồng. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không trích khấu hao.

7. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
a/ Ngắn hạn						
Phải thu khách hàng	277.073.691.119	11.103.500	277.062.587.619	278.350.332.618	652.274.300	277.698.058.318
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình	3.977.780.518	11.103.000	3.966.677.518	5.254.422.017	652.273.800	4.602.148.217
Công ty TNHH Một thành viên Hùng Phát	2.282.578.971	-	2.282.578.971	2.282.578.971	-	2.282.578.971
Các khách hàng khác	306.402.000	-	306.402.000	306.402.000	-	306.402.000
	1.388.799.547	11.103.000	1.377.696.547	2.665.441.046	652.273.800	2.013.167.246
Phải thu về cho vay ngắn hạn	236.025.000.000	-	236.025.000.000	236.025.000.000	-	236.025.000.000
Nguyễn Anh Quân	235.700.000.000	-	235.700.000.000	235.700.000.000	-	235.700.000.000
Trần Tiến Thành	325.000.000	-	325.000.000	325.000.000	-	325.000.000
Phải thu khác	37.070.910.601	500	37.070.910.101	37.070.910.601	500	37.070.910.101
Lê Song Hà	13.965.491.231	-	13.965.491.231	13.965.491.231	-	13.965.491.231
Nguyễn Trung Kiên	12.831.501.573	-	12.831.501.573	12.831.501.573	-	12.831.501.573
Công ty Cổ phần An Sinh	6.251.147.700	-	6.251.147.700	6.251.147.700	-	6.251.147.700
Nguyễn Thanh Tùng (Phòng dự án)	2.085.213.626	-	2.085.213.626	2.085.213.626	-	2.085.213.626
Lương Thị Ninh	928.470.000	-	928.470.000	928.470.000	-	928.470.000
Nguyễn Bích Hạnh	354.694.000	-	354.694.000	354.694.000	-	354.694.000
Các khách hàng khác	654.392.471	500	654.391.971	654.392.471	500	654.391.971
b/ Dài hạn	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000
Phải thu khác	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000	8.856.934.000	1.278.100.000	7.578.834.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang	6.537.000.000	-	6.537.000.000	6.537.000.000	-	6.537.000.000
Hoàng Văn Diện	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000	2.319.934.000	1.278.100.000	1.041.834.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	562.682.185.627	1.203.170.892
Công cụ, dụng cụ	13.979.049	-	11.389.895	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.124.999.116	-	1.494.184.629	-
Thành phẩm	-	-	68.947.600.370	13.009.210
Hàng hoá	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Cộng	16.638.978.165	-	648.635.360.521	1.216.180.102

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

Giá trị dở dang của Dự án Xây dựng 94 căn nhà thương mại chiều cao 05 tầng nhưng tối đa không quá 18,5m tại đường D1 (Võ Nguyên Giáp), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai với diện tích 9.549,6 m². Hình thức giao đất thu tiền sử dụng thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án. Thời gian sử dụng theo quyết định 1358/QĐ-UBND ngày 16/6/2022 là 50 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị thuần thep PP VCSH VND	Phản chia lãi/ lỗ lũy kế VND	Giá gốc VND	Giá trị thuần thep PP VCSH VND	Phản chia lãi/ lỗ lũy kế VND
Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	216.480.000.000	215.784.487.801	(695.512.199)	216.480.000.000	215.788.103.337	(691.896.663)
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	40.500.000.000	40.501.476.172	1.476.172	40.500.000.000	40.500.810.110	810.110
Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	484.484.000.000	484.484.000.000	-	484.484.000.000	484.484.000.000	-
Cộng	741.464.000.000	740.769.963.973	(694.036.027)	741.464.000.000	740.772.913.447	(691.086.553)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty CP Chứng khoán Hà Nội	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty CP Máy Thiết bị dầu khí	1.572.500.000	1.147.500.000	425.000.000	1.572.500.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang	11.000.000.000	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	14.672.500.000	1.147.500.000	13.525.000.000	14.672.500.000

Giá trị hợp lý Công ty Cổ phần Máy Thiết bị dầu khí lấy theo số lượng cổ phần nhân giá đóng cửa ngày 29/12/2023 của cổ phiếu này là 13.500 đồng/ cổ phiếu. Công ty CP Chứng khoán Hà Nội và Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kim Giang đang dừng hoạt động, Công ty trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần TBIC	569.841.709.137	569.841.709.137	136.048.688.052	136.048.688.052
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	200.802.842.218	200.802.842.218	250.566.785.164	250.566.785.164
Công ty CP Đầu tư GIC Quốc tế	96.524.601.231	96.524.601.231	259.130.483.725	259.130.483.725
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp DHA	93.077.265.431	93.077.265.431	96.077.265.431	96.077.265.431
Công ty Cổ phần Khoáng sản Kim Bôi- CN Hải Dương	-	-	132.169.660.337	132.169.660.337
Các khách hàng khác	55.561.260.358	55.561.260.358	320.585.388.437	320.585.388.437
Cộng	1.015.807.678.375	1.015.807.678.375	1.194.578.271.146	1.194.578.271.146

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.672.353.021	22.844.299.888	22.615.131.332	1.443.184.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.216.831.490	1.415.723.317	11.070.979.680	10.872.087.853
Thuế thu nhập cá nhân	166.592.463	898.315.779	1.017.641.074	285.917.758
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.600.000	7.600.000	-
Cộng	3.055.776.974	25.165.938.984	34.711.352.086	12.601.190.076

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (a)	1.689.960.827.388	1.689.960.827.388	3.752.227.419.498	3.761.904.040.898	1.699.637.448.788	1.699.637.448.788
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (b)	547.551.843.563	547.551.843.563	2.420.462.101.728	2.909.532.275.565	1.036.622.017.400	1.036.622.017.400
- Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương (c)	462.000.000.000	462.000.000.000	795.777.400.000	333.777.400.000	-	-
- Các cá nhân khác	2.717.689.680	2.717.689.680	-	-	2.717.689.680	2.717.689.680
b) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Trái phiếu SHN.H.20.23.001	25.000.000.000	25.000.000.000	-	56.000.000.000	81.000.000.000	81.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	-	(916.666.667)	(916.666.667)	(916.666.667)
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	2.727.230.360.631	2.727.230.360.631	6.968.466.921.226	7.060.297.049.796	2.819.060.489.201	2.819.060.489.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN (TIẾP THEO)

- (a) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức số 117/23/TĐ/BĐ/011 ngày 25/09/2023 tại Ngân hàng TMCP An Bình- CN Hà Nội: Hạn mức cấp tín dụng là 1.700 tỷ đồng bao gồm toàn bộ dự nợ hiện đang theo đối tại ABBANK theo Hợp đồng cấp hạn mức số 18/22/TĐ/BĐ/105 ngày 04/07/2022. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động thực hiện hoạt động kinh doanh cấp than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cho dự án Nhiệt Điện Thăng Long do Công Ty cổ phần Nhiệt điện Thăng Long là chủ đầu tư; Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán; Thanh toán L/C nhập khẩu than thương mại do ABBANK phát hành. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn của từng lần cấp tín dụng căn cứ theo phương án kinh doanh nhưng tối đa không quá 8 tháng... Biện pháp bảo đảm bao gồm bảo đảm bằng tài sản trên và thực hiện ký quỹ / cầm cố số dư tiền gửi, sổ tiết kiệm tại ABBank khi tiến hành bảo lãnh.
- (b) Vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức số BCLC-944-01 ngày 19/9/2023 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng: Hạn mức cấp tín dụng là 1.600.000.000.000 đồng trong đó hạn mức mua than khác không cung cấp cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Thăng Long là 600.000.000.000 đồng. Mục đích cấp tín dụng để thanh toán tiền mua than, dầu, đá vôi, hóa chất và các nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long; phát hành L/C; UPAS L/C để mua than trong nước, than có nguồn gốc nhập khẩu cung cấp cho Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 6 tháng, thời hạn cụ thể sẽ được quy định trong khế ước nhận nợ hoặc các văn bản có liên quan. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/HĐTC/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008/18/HĐTC/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018; hợp đồng thế chấp tài sản hàng tồn kho luân chuyển số 2008/18/HĐTC/VPB-TLP ký ngày 05/12/2018, hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 208/18/HĐTC/VPB-SHN ký ngày 05/12/2018, và bất động sản tại phường Bưởi Cháy, thành phố Hà Long, tỉnh Quảng Ninh theo hợp đồng thế chấp số 03BĐS/HĐTC/VPB-GELEXIMCO-SHN ký ngày 13/01/2023 và các biện pháp bảo đảm khác được thỏa thuận với ngân hàng.
- (c) Vay ngắn hạn Công ty CP Khoáng sản Kim Bôi - CN Hải Dương theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng vay vốn số 02.2023/HĐV/KB-SHN ngày 20/3/2023, tổng số tiền vay là 415.800.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh.
 - Hợp đồng vay vốn số 03.2023/HĐV/KB-SHN ngày 20/4/2023, tổng số tiền vay là 380.000.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích phục vụ nhu cầu cho hoạt động kinh doanh. Phụ lục số 01 ngày 01/07/2023 kèm theo Hợp đồng số 03.2023/HĐV/KB-SHN thay đổi lãi suất vay thành 12,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
Tầng 7, Tòa nhà Peakview, 36 Hoàng Cầu
Phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa
Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	257.347.263.582	9.835.308.843	1.585.744.780.893	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.540.998.286	299.989.095	2.840.987.381	
	-	-	-	(4.016.181.120)	(662.468.614)	(4.678.649.734)	
Số dư cuối năm trước	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	255.872.080.748	9.472.829.324	1.583.907.118.540	
Số dư đầu năm nay	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	255.872.080.748	9.472.829.324	1.583.907.118.540	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.308.517.386	230.391.302	3.538.908.688	
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(202.400.000)	(202.400.000)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(473.300.563)	(97.589.095)	(570.889.658)	
Số dư cuối năm nay	1.296.071.470.000	16.350.914.364	6.139.824.104	258.707.297.571	9.403.231.531	1.586.672.737.570	

b) Cổ phiếu

Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
-------------------------	------------------------

Số lượng cổ phiếu đã bán ra
- *Cổ phiếu phổ thông*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- *Cổ phiếu phổ thông*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

129.607.147
129.607.147
129.607.147
129.607.147
129.607.147
129.607.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	253.728.935	27.903.935
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải trả LC Upas	269.637.126.595	-
Các khoản phải trả khác	26.118.978.465	35.950.389.664
Cộng	341.009.833.995	80.978.293.599
b. Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	100.000.000
Cộng	-	100.000.000

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	3.957,48	59.651,15

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.724.422.556.276	5.853.603.335.974
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	5.602.342.201.130	5.712.131.861.981
Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.080.355.146	141.471.473.993
Cộng	5.724.422.556.276	5.853.603.335.974

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã bán	5.625.843.926.291	5.757.553.933.022
Dự phòng/ (hoàn nhập DP) giảm giá hàng tồn kho	(1.216.180.102)	1.216.180.102
Cộng	5.624.627.746.189	5.758.770.113.124

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ký quỹ	112.345.534.669	61.246.642.473
Lãi bán các khoản đầu tư	-	1.140.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	85.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	43.019.602	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	194.191.312.789	78.959.615.378
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.829.820	-
Cộng	306.593.696.880	141.431.257.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền cho vay	268.129.135.347	127.323.134.097
Chiết khấu thanh toán, lãi chậm thanh toán	1.391.605.490	4.694.207.817
Lỗ chênh lệch tỷ giá (Hoàn nhập)/ dự phòng giảm giá đầu tư	- (249.750.000)	10.533.131.462 674.750.000
Phí phát hành trái phiếu	916.666.667	1.000.000.000
Chi phí tài chính khác	72.543.389.048	23.730.958.532
Cộng	342.731.046.552	167.956.181.908

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	10.203.617.800	9.096.655.550
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	952.419.086	713.803.745
Khấu hao tài sản cố định	328.841.193	264.394.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.765.776.186	23.629.764.683
Chi phí bằng tiền khác	648.625.924	1.261.774.581
Cộng	35.899.280.189	34.966.393.083

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.542.041.056	11.274.836.244
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.543.492.784	1.739.832.083
Khấu hao tài sản cố định	376.008.699	447.494.796
Thuế, phí, lệ phí	188.738.641	217.754.634
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	635.470.699	4.441.200
Phân bổ lợi thế thương mại	915.301.144	915.301.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.660.427.316	4.753.011.014
Chi phí bằng tiền khác	2.597.537.496	3.837.244.558
Cộng	22.459.017.835	23.189.915.671

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kê toán trước thuế	4.954.632.005	14.760.356.118
Thuế TNDN phải nộp trên thu nhập chịu thuế	1.335.823.568	11.081.110.011
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	79.899.749	838.258.726
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.415.723.317	11.919.368.737

8. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.308.517.386	2.540.998.286
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	473.300.563
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.308.517.386	2.067.697.723
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	129.607.147	129.607.147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25,53	15,95

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành của Công ty CP Quản lý Đường sông số 6 và Công ty CP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:	6.968.466.921.226 đồng
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	6.968.466.921.226 đồng
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:	7.061.213.716.463 đồng
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	7.061.213.716.463 đồng

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Mai Trang Linh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Geleximco Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Daso (Hải Phòng)	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vũ Văn Hậu	-	25.000.000
Phạm Ngọc Tuấn	477.565.217	59.000.000
Hoàng Trọng Diễm	91.304.348	-
Vũ Quang Minh	823.518.200	1.008.007.800
Vũ Phúc Thọ	38.260.870	60.000.000
Nguyễn Hữu Đức	-	17.857.140
Lê Việt Hà	38.260.870	60.000.000
Nguyễn Đại Hải	249.000.000	985.892.855
Nguyễn Ngọc Triều Dương	554.173.913	-
Lê Hữu Tú	52.173.913	-
Nguyễn Thị Thu Hương	81.738.000	60.000.000
Hoàng Lệ Thu	49.043.000	36.000.000
Nguyễn Thị Kim Loan	49.043.000	36.000.000
Vũ Thắng	126.018.200	-
Nguyễn Hoài Phương	-	226.666.700
Nguyễn Trung Thành	545.000.000	-
Chu Văn Mân	161.600.000	592.263.400
Đặng Thái Thế	440.297.300	-
Cộng	3.776.996.831	3.166.687.895

2. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Công ty điều chỉnh phân loại lại một số chỉ tiêu kỳ trước để có thể so sánh, chi tiết số điều chỉnh như sau:

Khoản mục	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Hàng tồn kho	827.642.522.721	(179.007.162.200)	648.635.360.521
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	179.007.162.200	179.007.162.200
Giá vốn hàng bán	5.775.154.575.674	(16.384.462.550)	5.758.770.113.124
Chi phí bán hàng	18.581.930.533	16.384.462.550	34.966.393.083

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động trong năm của Công ty được chia theo các lĩnh vực kinh doanh chính sau: kinh doanh thương mại than, kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo các lĩnh vực kinh doanh này.

	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.602.342.201.130	122.080.355.146	-	5.724.422.556.276
Tổng doanh thu	5.602.342.201.130	122.080.355.146	-	5.724.422.556.276
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	5.603.212.526.614	21.415.219.575	-	5.624.627.746.189
Kết quả hoạt động kinh doanh				-
Kết quả kinh doanh bộ phận	(870.325.484)	100.665.135.571	-	99.794.810.087
Chi phí phân bổ				-
Chi phí không phân bổ				58.358.298.024
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				41.436.512.063
Phần lợi nhuận trong các công ty con, công ty liên kết				(2.949.474)
Doanh thu tài chính				306.593.696.880
Chi phí tài chính				(342.731.046.552)
Lợi nhuận khác				(341.580.912)
Lợi nhuận trước thuế				4.954.632.005
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.415.723.317
Lợi nhuận trong năm				3.538.908.688
Trong đó				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ				3.308.517.386
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				230.391.302

	Kinh doanh than VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	5.468.752.537.776	126.330.245.211	-	5.595.082.782.987
Tài sản không phân bổ	-	-		113.495.014.044
Tổng tài sản				5.708.577.797.031
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	4.050.098.711.473	71.806.347.988	-	4.121.905.059.461
Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả				4.121.905.059.461

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Khoa Diệu Bình
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2024


Đặng Thái Thế
Kế toán trưởng


Vũ Thắng
Tổng Giám đốc

